

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2019

V/v trAh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Á

2. Ông Mai Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng lĩnh - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phùng Văn T. Sinh năm: 1978

Trú tại: Tổ 02 Thôn Quan Nam 3, xã Hòa L, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng- Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân T1. Sinh năm: 1978

Trú tại: Số 12 An Thượng 16, phường Mỹ A, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Có mặt- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2019, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phùng Văn T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông và bà Nguyễn Thị Xuân T1 kết hôn với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ sau đó đã được hai bên hòa giải. Đến năm 2016 lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nên vợ chồng hay cãi vã nhau, đến tháng 01/2019 ông phát hiện vợ ngoại tình nên có gửi đơn ly hôn, sau đó vì con nên ông rút đơn về chung sống lại với nhau; tiếp tục vợ ngoại tình lại nhắn tin yêu đương đến trai. Vì vậy, tình cảm của ông đối với bà T1 không còn, vợ chồng sống riêng đến nay đã được 04 tháng, không ai có trách nhiệm gì với nhau.

Nay đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Xuân T1.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Phùng Văn Toàn T2, sinh ngày 10/12/2007 và Phùng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2011. Ly hôn ông yêu cầu nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con;

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận;

- **Về nợ chung:** Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà xác nhận với ông T về thời gian kết hôn và T điểm chung sống. Theo bà nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm, hay cãi vã nhau nên vợ chồng đã sống riêng với nhau đã hơn 04 tháng nay, bên cạnh đó ông T hay nghi ngờ và ghen tuông nên vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, hiện nay cả hai đã sống ly thân. Nay ông Phùng Văn T có đơn gửi Tòa án xin ly hôn, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

- **Về quan hệ con chung:** Bà xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Phùng Văn Toàn T2, sinh ngày 10/12/2007 và Phùng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2011. Nếu ly hôn bà yêu cầu nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi;

Tại bản trình bày bổ sung ngày 06/8/2019 bà Nguyễn Thị Xuân T1 đồng ý ly hôn ông Phùng Văn T, về con chung bà xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ kinh tế để lo cho các con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận;

- **Về nợ chung:** Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng T những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Phùng Văn T đối với bà Nguyễn Thị Xuân T1.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Văn T với bà Nguyễn Thị Xuân T1.

Về con chung: Giao cháu Phùng Văn Toàn T2, sinh ngày 10/12/2007 cho ông Phùng Văn T nuôi dưỡng; giao cháu Phùng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Xuân T1 nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của ông Phùng Văn T nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ông Phùng Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T1 kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì đến năm 2016 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo khai nại của ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên vợ chồng hay cãi vã nhau, đến tháng 01/2019 ông phát hiện vợ ngoại tình nên có gửi đơn ly hôn, sau đó vì con nên ông rút đơn về chung sống lại với nhau; tiếp tục vợ ngoại tình nên ông làm đơn xin được ly hôn bà T1.

Còn theo lời khai của bà T1 thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm, hay cãi vã nhau nên vợ chồng sống riêng với nhau đã hơn 04 tháng nay, bên cạnh đó ông T hay nghi ngờ và ghen tuông nên vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, hiện nay cả hai đã sống ly thân, nay ông T gửi đơn xin ly hôn thì bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa cả ông T và bà T1 đều thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên công nhận việc thuận tình ly hôn của hai bên để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

- **Về con chung:** Vợ chồng ông T và bà T1 có 02 con chung là Phùng Văn Toàn T2, sinh ngày 10/12/2007 và Phùng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2011. Ly hôn, ông T yêu cầu nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà T1 phải cấp dưỡng nuôi con, còn bà T1 nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ; ở đây cả ông T và bà T1 đều có đủ điều kiện nuôi con đảm bảo. Mặc dù cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bà T1 nhưng ông T cũng tha thiết xin được nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Phùng Văn Toàn T2 cho ông Phùng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phùng Tuấn K cho bà Nguyễn Thị Xuân T1 được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như quyền lợi của các đương sự, đồng thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Ông T và bà T1 tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Ông T và bà T1 xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Phùng Văn T phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn ông Phùng Văn T đối với bà Nguyễn Thị Xuân T1.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Văn T với bà Nguyễn Thị Xuân T1.

2- Về con chung: Xử: Giao con Phùng Văn Toàn T2, sinh ngày 10/12/2007 cho ông Phùng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Phùng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Xuân T1 được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Phùng Văn T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009542 ngày 07/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong T hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì T hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; T hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm